

BẢN TIN PHÁP LUẬT

ECOVIS AFA VIETNAM

Tháng 08/2022



VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

- Thông tư số 16/2022/TT-BKHĐT (TT 16) ngày 29.07.2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ngưng hiệu lực của Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT (TT 08) ngày 31.05.2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15.06.2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia**

Theo đó, TT 16 quy định việc ngưng hiệu lực của 02 TT 08 và TT 10 cụ thể như sau:

Đối với TT 08:

- Ngưng hiệu lực quy định về lộ trình áp dụng đấu thầu qua mạng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa chia thành nhiều phần quy định tại khoản 1 Điều 37 từ ngày 01.08.2022 đến 01.01.2023.
- Các điều khoản còn lại: ngưng hiệu lực thi hành từ ngày 01.08.2022 đến 15.09.2022.

Đối với TT 10: ngưng hiệu lực thi hành từ ngày 01.08.2022 đến 15.09.2022.

Trong thời gian, 2 văn bản TT 08 và TT 10 bị ngưng hiệu lực thi hành thì một số các văn bản trước đây được tiếp tục thi hành:

- Thông tư 01/2015/TT-BKHĐT ngày 14.02.2015;
- Thông tư 03/2015/TT-BKHĐT ngày 06.05.2015;
- Thông tư 05/2015/TT-BKHĐT ngày 16.06.2015;
- Thông tư 14/2016/TT-BKHĐT ngày 29.09.2015;...

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa chia thành nhiều phần:

a) Đối với gói thầu đã phát hành hồ sơ mời thầu trước ngày 01.01.2023, việc lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo hồ sơ mời thầu đã phát hành và các quy định của pháp luật có hiệu lực tương ứng tại thời điểm đó;

b) Kể từ ngày 01.01.2023, gói thầu đã phê duyệt không áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và chưa phát hành hồ sơ mời thầu thì tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng trên cơ sở bảo đảm lộ trình quy định tại Điều 37 của Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT. Trong trường hợp này, người có thẩm quyền không phải điều chỉnh lại kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29.07.2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18.12.2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP**

Trong đó, đáng chú ý có nội dung sửa đổi, bổ sung về giá đất được trừ để tính thuế GTGT trong hoạt động chuyển nhượng bất động sản ("BDS"). Chúng tôi xin làm rõ những sửa đổi, bổ sung như dưới đây:

Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản ("BDS"), giá tính thuế GTGT là giá chuyển nhượng BDS trừ (-) giá đất được trừ để tính thuế GTGT.

Trong đó, giá đất được trừ để tính thuế GTGT được quy định thành 06 trường hợp cụ thể như sau:

- ✓ **TH1: Trường hợp được Nhà nước giao đất để đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nhà để bán:** Giá đất được trừ để tính thuế GTGT bao gồm tiền sử dụng đất phải nộp ngân

sách nhà nước theo quy định pháp luật về thu tiền sử dụng đất và tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có).

Theo quy định hiện hành, giá đất được trừ để tính thuế GTGT được quy định không kể tiền sử dụng đất được miễn, giảm.

- ✓ **TH2: Trường hợp thuê đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán:** Giá đất được trừ là tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có).

Theo quy định hiện hành, giá đất được trừ trong trường hợp này không bao gồm tiền thuê đất được miễn, giảm.

Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng TH1 và TH2 là số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định pháp luật về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Quy định hiện hành không giải thích thế nào là tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- ✓ **TH3: Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất:** giá đất trúng đấu giá.

Không thay đổi so với quy định hiện hành.

- ✓ **TH4: Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân:** giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất **không** bao gồm giá trị cơ sở hạ tầng. Cơ sở kinh doanh được **kê khai, khấu trừ** thuế GTGT đầu vào của cơ sở hạ tầng (nếu có).

Tuy nhiên, nếu cơ sở kinh doanh đã xác định giá đất bao gồm cả giá trị cơ sở hạ tầng theo quy định trước đây thì:

- Trường hợp 1: Tách được giá trị cơ sở hạ tầng và giá trị quyền sử dụng đất thì sử dụng giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng không bao gồm cơ sở hạ tầng.
- Trường hợp 2: Không tách được giá trị cơ sở hạ tầng tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì sử dụng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tại thời điểm ký hợp đồng nhận chuyển nhượng.

*Quy định hiện hành: giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất **bao gồm** cả giá trị cơ sở hạ tầng (nếu có). Cơ sở kinh doanh **không được kê khai, khấu trừ** thuế GTGT đầu vào của cơ sở hạ tầng đã tính trong giá trị quyền sử dụng đất được trừ không chịu thuế GTGT. Nếu giá đất được trừ không bao gồm giá trị cơ sở hạ tầng thì cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của cơ sở hạ tầng chưa tính trong giá trị quyền sử dụng đất được trừ không chịu thuế GTGT.*

- ✓ **TH5: Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân:** là giá ghi trong hợp đồng góp vốn. Trường hợp giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thấp hơn giá đất nhận góp vốn thì chỉ được trừ giá đất theo giá chuyển nhượng.

Không thay đổi so với quy định hiện hành.

- ✓ **TH6: Trường hợp cơ sở kinh doanh BĐS thực hiện theo hình thức xây dựng - chuyển giao (BT) thanh toán bằng giá trị QSDĐ:** giá tại thời điểm ký hợp đồng BT theo quy định của pháp luật; nếu tại thời điểm ký hợp đồng BT chưa xác định được giá thì giá đất được trừ là giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định để thanh toán công trình.

Không thay đổi so với quy định hiện hành.

Nghị định này sẽ có hiệu lực kể từ ngày 12.09.2022.

- 3. Nghị định số 51/2022/NĐ-CP ngày 08.08.2022 của Chính phủ sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng xăng thuộc nhóm 27.10 tại biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25.05.2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01.09.2016 của Chính phủ về biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16.11.2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP**

Theo đó, sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng xăng thuộc nhóm 27.10 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo Danh mục mặt hàng chịu thuế kèm theo Nghị định 57/2020/NĐ-CP. Cụ thể, điều chỉnh mức mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng xăng động cơ, không pha chì (thuộc mã từ 2710.12.21 đến 2710.12.29) **từ 20% xuống còn 10%**.

Việc giảm thuế nhập khẩu ưu đãi được Chính phủ quyết định trên cơ sở đề xuất của Bộ Tài chính, tạo thêm cơ hội cho doanh nghiệp để đa dạng nguồn cung xăng dầu.

Bộ Tài chính cho biết việc điều chỉnh giảm thuế suất thuế nhập khẩu MFN đối với mặt hàng xăng có thể không tác động nhiều đến việc làm giảm giá xăng trong nước do hiện nay xăng nhập khẩu chủ yếu từ ASEAN và Hàn Quốc. Tuy nhiên, sẽ góp phần đa dạng hóa nguồn cung xăng từ các quốc gia khác như Trung Quốc, Mỹ và các quốc gia khu vực Trung Đông, Nam Mỹ, tránh sự phụ thuộc quá lớn vào một số đối tác như hiện nay trong trường hợp nguồn cung trên thị trường thế giới biến động.

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 08.08.2022.

- 4. Nghị quyết số 24/2022/UBTVQH15 (NQ 24) ngày 11.08.2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp tục chi trả hỗ trợ đối với người lao động theo Nghị quyết số 03/2021/UBTVQH15 (NQ 03) ngày 24.09.2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Công văn số 2216/BHXH-CSXH ngày 12.08.2022 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc tiếp tục chi trả hỗ trợ đối với người lao động thuộc đối tượng hỗ trợ theo Nghị quyết số 03/2021/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

Theo đó, Bảo hiểm xã hội Việt Nam hướng dẫn việc tiếp tục chi trả hỗ trợ người lao động theo NQ 03 và NQ 24, đảm bảo việc tiếp tục chi trả đúng đối tượng, kịp thời và thời gian hoàn thành theo các chính sách đã ban hành.

Cụ thể, công văn hướng dẫn sử dụng khoảng 1.155 tỷ đồng từ kết dư Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp đến hết năm 2021 để tiếp tục chi trả hỗ trợ đối với người lao động thuộc đối tượng hưởng theo NQ 03 đã nộp hồ sơ đúng thời hạn.

Thời gian thực hiện chi trả hỗ trợ người lao động hoàn thành chậm nhất vào ngày 10.09.2022.

Nghị quyết giao Chính phủ triển khai thực hiện việc chi trả đúng thời hạn, báo cáo kết quả thực hiện NQ 03 và NQ 24 tại phiên họp tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Trước đó, tại phiên họp thứ 14 của UBTVQH đã đánh giá việc triển khai, giải quyết chính sách được Chính phủ, các bộ, ngành và cơ quan, địa phương thực hiện, tổ chức kịp thời, nhanh chóng; công tác kiểm tra, đôn đốc được quan tâm, tăng cường; đã thực hiện chi trả cho gần 13 triệu người lao động với số tiền hơn 30.800 tỷ đồng; giảm đóng bảo hiểm thất nghiệp đối với người sử dụng lao động đến 31.07.2022 đối với hơn 346.000 đơn vị sử dụng lao động với số tiền hơn 7.559 tỷ đồng.

5. Quyết định số 1421/QĐ-BTC ngày 15.07.2022 của Bộ Tài chính công bố danh mục báo cáo định kỳ trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính

Theo đó, Bộ Tài chính công bố kèm theo Quyết định này:

- ✚ Một (01) chế độ báo cáo mới ban hành, cụ thể:
 - **Báo cáo tình hình sử dụng biên lai thu phí, lệ phí (Đối với biên lai điện tử):** theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (NĐ 123) ngày 19.10.2020 của Chính phủ.
- ✚ Bốn (04) chế độ báo cáo thay thế, bao gồm:
 - **Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn:** theo NĐ 123, thay thế cho *Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn*.
 - **Báo cáo tình hình sử dụng biên lai thu phí, lệ phí (Đối với biên lai giấy):** theo NĐ 123, thay thế cho *Báo cáo tình hình sử dụng biên lai thu phí, lệ phí*.
 - **Bảng tổng hợp dữ liệu tem điện tử gửi cơ quan thuế:** theo Nghị định số 23/2021/TT-BTC ngày 30.03.2021 của Bộ Tài chính, thay thế cho *Báo cáo tình hình sử dụng tem rượu sản xuất trong nước*.
 - **Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử gửi cơ quan thuế:** theo NĐ 123, thay thế cho *Báo cáo về việc truyền hóa đơn điện tử*.
- ✚ Ba (03) chế độ báo cáo bãi bỏ, bao gồm:
 - **Báo cáo nhận in/cung cấp phần mềm tự in hóa đơn:** theo NĐ 123.
 - **Báo cáo nhận in/cung cấp phần mềm tự in biên lai/cung cấp giải pháp biên lai điện tử:** theo NĐ 123 và Thông tư 78/2021/TT-BTC (TT 78) ngày 17.09.2021 của Bộ Tài chính.
 - **Bảng kê thanh toán biên lai (Mẫu CTT 25/AC):** theo NĐ 123 và TT 78.



CÔNG VĂN MỚI CẦN LƯU Ý

1. Công văn số 3037/TCT-CS ngày 17.08.2022 của Tổng cục Thuế về hóa đơn điện tử

Trường hợp Công ty khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho người mua thì phải thực hiện lập HĐĐT giao cho người mua theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP. Trường hợp khi Tổng cục Thuế có hướng dẫn cụ thể về sử dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế thì Cục thuế hướng dẫn Công ty nghiên cứu áp dụng sử dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19.10.2020 của Chính phủ thì trường hợp có thay đổi thông tin đã đăng ký sử dụng HĐĐT với cơ quan thuế, doanh nghiệp thực hiện thay đổi thông tin và gửi lại cơ quan thuế theo Mẫu số 01/ĐKĐT- HĐĐT. Cơ quan thuế tiếp nhận Mẫu 01/ĐKĐT-HĐĐT và cơ quan thuế có trách nhiệm gửi Thông báo theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT đến doanh nghiệp trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký sử dụng HĐĐT về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký thay đổi thông tin sử dụng HĐĐT.

Tên của doanh nghiệp là một trong các thông tin trên Mẫu số 01/ĐKĐT- HĐĐT khi doanh nghiệp đăng ký sử dụng HĐĐT. Theo đó, đề nghị Cục thuế rà soát: Việc sai sót là do Công ty thay đổi tên mà chưa báo cáo cơ quan thuế hay sai sót khi thiết lập phần mềm HĐĐT? Công ty có gửi Mẫu số 01/ĐKĐT-HĐĐT đến Cơ quan thuế khi thay đổi tên hay không? Việc xử lý của Cục thuế như thế nào?

Trường hợp doanh nghiệp thay đổi tên nhưng không báo cáo hoặc trường hợp hệ thống liên thông giữa các cơ quan chức năng chưa đồng bộ thì đề nghị Cục thuế căn cứ tình hình cụ thể và lý do sai sót để xử lý theo quy định.

2. Công văn số 2826/TCT-CS ngày 04.08.2022 của Tổng cục Thuế về thời điểm lập hóa đơn điện tử

Trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa đơn vị với khách hàng, đối tác theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19.10.2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước. Kỳ quy ước để làm căn cứ tính lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với người mua.

3. Công văn số 3034/TCT-CS ngày 17.08.2022 của Tổng cục thuế về thuế GTGT

Dự án đầu tư được Chính phủ phê duyệt tiến độ thực hiện dự án tại quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư, dự án bị chậm tiến độ so với nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì Công ty đề nghị cơ quan đăng ký đầu tư điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Cơ quan thuế thực hiện hoàn thuế GTGT theo quy định của pháp luật về thuế GTGT đối với dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.



4. Công văn số 2596/TCT-CS ngày 21.07.2022 của Tổng cục Thuế về tiền thuê đất

- Đối với trường hợp được gia hạn thời gian sử dụng đất theo quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013, ngoài số tiền thuê đất phải nộp theo quy định, người sử dụng đất phải nộp bổ sung khoản tiền trong thời gian được gia hạn. Cơ quan thuế căn cứ văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép gia hạn thời gian sử dụng đất để xác định và thông báo số tiền người sử dụng đất phải nộp quy định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản gia hạn thời gian sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 333/2016/2016/TT-BTC ngày 26.12.2016 của Bộ Tài chính.

Kể từ ngày 05.12.2020 (ngày Nghị định số 126/2020/NĐ-CP (NĐ 126) ngày 19.10.2020 của Chính phủ có hiệu lực thi hành), thời hạn cơ quan thuế ban hành thông báo nộp và thời hạn nộp thuế được thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều 13 và Điểm a4 Khoản 3 Điều 18 NĐ 126 của Chính phủ.

- Khoản phải nộp bổ sung trong thời gian được gia hạn thời gian sử dụng đất theo quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013 là khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất áp dụng đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án, thuộc khoản thu khác của ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý thu theo quy định tại Điểm h Khoản 2 Điều 3 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13.06.2019 của Quốc hội nên phải áp dụng quy định về xử lý đối với việc chậm nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Điểm a và Điểm d Khoản 2, Điều 5 NĐ 126.

5. Công văn số 2652/TCT-CS ngày 25.07.2022 của Tổng cục Thuế về thuế GTGT

Trường hợp Công ty A ký hợp đồng mua bán tài sản với Công ty B thì không thuộc trường hợp bán tài sản bảo đảm tiền vay do tổ chức tín dụng hoặc do cơ quan thi hành án hoặc bên đi vay vốn tự bán tài sản bảo đảm theo ủy quyền của bên cho vay để trả nợ khoản vay có bảo đảm nên không thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

6. Công văn số 3033/TCT-CS ngày 17.08.2022 của Tổng cục Thuế về thuế GTGT

Trường hợp Công ty có thực hiện việc nhập vật tư đầu vào là đất đắp, đất san lấp thì đề nghị Công ty đối chiếu hàng hóa mua vào đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP và Danh mục hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP, nếu không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế GTGT thì được áp dụng thuế suất thuế GTGT từ 10% xuống 8% theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

7. Công văn số 2655/TCT-CS ngày 25.07.2022 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế GTGT

Trường hợp văn phòng công chứng có doanh thu hàng năm từ bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ một tỷ đồng trở lên và thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ thì thuộc đối tượng áp dụng phương pháp khấu trừ thuế và sử dụng hóa đơn GTGT.





**Luôn đồng hành
cùng doanh nghiệp**

Ông Nguyễn Trọng Hiếu CPA, Ph.D.

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Mobile: 0914 015 678

Email: hieu.nguyen@ecovis.com.vn

Ông Phạm Quang Trung CPA, MBA

Tổng Giám đốc

Mobile: 0935 58 3456

Email: trung.pham@ecovis.com.vn

Ông Nguyễn Hải Nam MEng, CPA

Phó Tổng Giám đốc

Mobile: 0916 020 113

Email: nam.nguyen@ecovis.com.vn

Ông Trần Dương Nghĩa CPA AU, CPA, MBA

Phó Tổng Giám đốc

Mobile: 0916 538 539

Email: nghia.tran@ecovis.com.vn

Ông Nguyễn Trung Dũng CPA

Phó Tổng Giám đốc

Mobile: 0917 705 379

Email: dung.nguyen@ecovis.com.vn

Ông Lê Huy Đông CPA

Trưởng phòng Tư vấn đào tạo

Mobile: 0944 322 988

Email: dong.le@ecovis.com.vn

Bà Nguyễn Thị Hiền Giang CPA, MBA

Phó phòng Hành chính kế toán

- phụ trách bản tin

Mobile: 0944 686 905

Email: giang.nguyen@ecovis.com.vn

Các thông tin trên Bản tin ECOVIS AFA VIETNAM được chúng tôi cập nhật từ các văn bản pháp quy do các cơ quan nhà nước ban hành trên các phương tiện thông tin đại chúng và cho mục đích tham khảo. Mặc dù đã cố gắng cung cấp thông tin một cách chính xác cụ thể nhất, việc áp dụng các thông tin này trong các trường hợp cụ thể có thể không hoàn toàn phù hợp, do đó cần tham khảo ý kiến của các chuyên gia tư vấn của chúng tôi.

